

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 757/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 22 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán gói thầu thuộc dự án hoàn thành
Công trình: Trường Kỹ thuật Công nghệ và Dạy nghề Thanh niên Dân
tộc tỉnh Đắk Nông (nay là Trường Trung cấp nghề Đắk Nông)
Gói thầu số 04: Nhà đa năng, nhà xưởng thực hành số 3 và
số 4, nhà xe số 1 và số 2

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy
định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 85/TTr-STC ngày
14 tháng 5 năm 2018,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán gói thầu thuộc dự án hoàn thành:

1. Công trình: Trường Kỹ thuật Công nghệ và Dạy nghề Thanh niên Dân
tộc tỉnh Đắk Nông (nay là Trường Trung cấp nghề Đắk Nông). Gói thầu số 04:
Nhà đa năng, nhà xưởng thực hành số 3 và số 4, nhà xe số 1 và số 2.

2. Chủ đầu tư: Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

3. Địa điểm xây dựng: Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Thời gian thi công:

- Hạng mục: Nhà đa năng, nhà xưởng thực hành số 3 và số 4, nhà xe số 1
và số 2.

+ Ngày khởi công: 03/03/2010.

+ Ngày hoàn thành: 26/01/2011.

- Hạng mục: Bổ sung một số hạng mục thuộc công trình (san lấp mặt bằng,
taluy kè đá, nhà bảo vệ, khung bông bảo vệ cửa sổ).

+ Ngày khởi công: 30/12/2011.

+ Ngày hoàn thành: 27/4/2012.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
Tổng số	12.192.801.000	11.908.524.000	284.277.000
Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác	12.192.801.000	11.908.524.000	284.277.000

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Tổng số	84.094.000.000	12.192.801.000
- Chi phí xây dựng	51.498.000.000	12.098.475.000
- Chi phí thiết bị	18.955.000.000	0
- Chi phí quản lý dự án	1.117.000.000	0
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.991.000.000	19.957.000
- Chi phí khác	4.131.000.000	74.369.000
- Chi phí dự phòng	5.402.000.000	0

Tổng chi phí đầu tư được quyết toán bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm chín mươi hai triệu, tám trăm lẻ một nghìn đồng.

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
Tổng số	12.192.801.000			
1- Tài sản dài hạn (Tài sản cố định)	12.192.801.000			
2- Tài sản ngắn hạn	0			

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Tổng số	12.192.801.000	
Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác	12.192.801.000	

1.2. Thẩm tra xác định công nợ: Tổng các khoản công nợ tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán (ngày 02 tháng 11 năm 2016) là:

- Tổng nợ phải trả: 284.277.000 đồng.

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo phụ lục đính kèm).

1.3. Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm tổng quyết toán toàn bộ dự án và xác định mức phân bổ chi phí chung của dự án cho từng hạng mục công trình thuộc dự án và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về khối lượng, chất lượng nghiệm thu và tính chính xác đối với số liệu quyết toán, tính pháp lý của hồ sơ, chứng từ đã cung cấp về cơ quan thẩm tra quyết toán để thẩm tra quyết toán gói thầu thuộc dự án hoàn thành này.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/có định	Tài sản ngắn hạn
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Tổng số	12.192.801.000	0
Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	12.192.801.000	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

3.1. Trách nhiệm của Ban quản lý dự án, đơn vị tư vấn giám sát: Chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán.

3.2. Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, dự toán, tổng dự toán: Chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CN, KTKH (U).

04

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bón

PHỤ LỤC

CHI TIẾT CÁC KHOẢN CÔNG NỢ

(Kèm theo Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 22-tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung chi phí	Giá trị A-B đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được chấp nhận	Chênh lệch	Số cấp phát (tính đến ngày 02/11/2016)	Công nợ		Ghi chú
						Phải trả	Phải thu	
	Tổng số	12.301.764.000	12.192.801.000	(108.963.000)	11.908.524.000	284.277.000	-	
I	- Chi phí xây dựng	12.195.323.000	12.098.475.000	(96.848.000)	11.869.050.000	229.425.000	0	
1	Giá trị quyết toán xây lắp hoàn thành theo hợp đồng	8.674.766.000	8.674.766.000	-				
2	Giá trị điều chỉnh theo Nghị định số 97/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ	474.633.000	377.785.000	(96.848.000)				Giảm trừ do sai khối lượng và sai chi phí xây dựng nhà tạm khi điều chỉnh
3	Giá trị phát sinh theo phụ lục hợp đồng số: 0412/PL-HĐKT, ngày 30/12/2011	3.090.810.000	3.090.810.000	-				
4	Giá trị phát sinh mở rộng cửa kéo theo phụ lục hợp đồng số: 0412/PL-HĐKT, ngày 30/12/2011	58.467.000	58.467.000	-				

9



TT	Nội dung chi phí	Giá trị A-B đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được chấp nhận	Chênh lệch	Số cấp phát (tính đến ngày 02/11/2016)	Công nợ		Ghi chú
						Phải trả	Phải thu	
5	Giá trị giảm trừ theo kết quả kiểm toán khu vực XII	(103.353.000)	(103.353.000)	-				
II	- Chi phí thiết bị	0	0	0	0	0	0	
II	- Chi phí QLDA	0	0	0	0	0	0	
III	- Chi phí TV ĐTXD	36.418.000	19.957.000	(16.461.000)	19.900.000	57.000	0	
1	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	29.509.000	10.146.000	(9.552.000)	19.900.000	57.000	-	Theo HD, NT-TL
2	Chi phí thẩm tra DT		9.811.000					
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC (bổ sung)	6.909.000	-	(6.909.000)	-	-	-	Không có hồ sơ kèm theo
4	Chi phí thẩm tra DT (bổ sung)		-					
IV	- Chi phí khác	70.023.000	74.369.000	4.346.000	19.574.000	54.795.000	0	
1	Chi phí bảo hiểm công trình	19.574.000	19.574.000	-	19.574.000	-	-	Nội suy lại hệ số theo TT số 09/2016/TT-BTC
2	Chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán	50.449.000	54.795.000	4.346.000	-	54.795.000	-	
V	- Chi phí dự phòng	0	0	0	0	0	0	

Handwritten mark